

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 54/2021/DSST

Ngày: 16-06-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Huỳnh Văn Hồng.
2/ Ông Đỗ Tứ Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2020/TLST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXX - ST ngày 31 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần T**

Trụ sở: phường B, quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quốc T** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Lăng T**, Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ. (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: phường B, quận 1, thành phố H.

- Bị đơn:

1/. Ông **Phan Văn M** – sinh năm: 1970 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

2/. Bà **Lê Thị M** – sinh năm: 1977 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Dương Đức T** – sinh năm: 1978 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T do anh Trần Lăng T đại diện trình bày:

Ông Phan Văn M và bà Lê Thị M có vay vốn tại ngân hàng Thương mại cổ phần T theo hợp đồng tín dụng hạn mức 030/PGDTBi/HĐTD ngày 01/03/2019; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 030/PGDTBi/HĐTD/PL01 ngày 16/10/2019; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 030/PGDTBi/HĐTD/PL02 ngày 29/11/2019; phụ lục Hợp đồng tín dụng số 030/PGDTBi/HĐTD/PL03 ngày 02/06/2020 cụ thể như sau:

Ngày giải ngân là ngày 27/02/2020, ngày đến hạn là ngày 03/06/2021, lãi suất 12%/năm, số tiền vay vốn là 950.000.000đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn trồng cam.

Để bảo đảm cho các khoản vay thì bà ông M, bà M có ký kết các Hợp đồng thuê chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm:

- + Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.660,9m², loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

- + Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.021,3m², loại đất trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

- + Thửa đất số 205, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.544,8m², loại đất lúa do ông Phan Văn M và bà Lê Thị M đứng tên quyền sử dụng đất.

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L.

Trong quá trình vay vốn thì ông M, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 01/03/2019; Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 16/10/2019; phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 29/11/2019; phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 02/06/2020. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông M, bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 16/06/2021 ông M, bà M còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 950.000.000đồng tiền lãi trong hạn là 61.049.238 đồng và lãi quá hạn là 73.831.582đồng, tổng cộng là 1.084.881.000 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần T yêu cầu ông Phan Văn M và bà Lê Thị M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn là 950.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/06/2021 là 134.881.000đ (trong đó lãi trong hạn là 61.049.238 đồng và lãi quá hạn là 73.831.582đồng) và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 17/06/2021 cho đến khi ông M, bà M trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Phan Văn M và bà Lê Thị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 10/03/2019 và ngày 29/11/2019 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn Mười và bà Lê Thị M trình bày:

Ông Phan Văn M và bà Lê Thị M có vay vốn tại ngân hàng Thương mại cổ phần T theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 01/03/2019; Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 16/10/2019; phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 29/11/2019; phụ lục Hợp

đồng tín dụng ngày 02/06/2020 đã ký kết với Ngân hàng để vay số tiền 950.000.000đ, lãi suất 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn trồng cam.

Để bảo đảm cho các khoản vay thì bà ông M, bà M có ký kết các Hợp đồng thuê chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm:

+ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.660,9m² đất ở và trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.021,3m² đất trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 205, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.544,8m² đất lúa do ông Phan Văn M và bà Lê Thị M đứng tên quyền sử dụng đất.

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L.

Do kinh tế khó khăn nên ông M, bà M không có khả năng thanh toán tiền vốn và lãi cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 18/9/2020 thì ông M, bà M còn nợ ngân hàng số tiền vốn là 950.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 26.899.648 đồng, lãi quá hạn là 100.950 đồng.

Nay ông Phan Văn M và bà Lê Thị M đồng ý trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền vốn vay là 950.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 18/09/2021 là 27.000.598 đồng và đồng ý tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 19/09/2021 cho đến khi ông M, bà M trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Phan Văn M và bà Lê Thị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông M, bà M đồng ý để cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của ông Phan Văn M và bà Lê Thị M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 10/03/2019 và ngày 29/11/2019 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Đức T trình bày:

Tháng 07 năm 2017 ông T có thuê phần đất thửa đất số 205, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.544,8m² đất lúa do ông Phan Văn M và bà Lê Thị M đứng tên quyền sử dụng đất để trồng cam, thời hạn thuê là 05 năm, thời hạn hợp đồng từ năm 2017 đến năm 2022 là hết hạn. Hai bên có thỏa thuận làm hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và đã giao nhận tiền thuê đất đầy đủ. Khi thuê đất thì ông không biết phần đất thửa 205 ông M và bà M đã vay thuê chấp tại Ngân hàng .

Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông T và ông M, bà M thì để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, ông T không tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến là:* Thủ tục thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ pháp luật dân sự của vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tiến hành phiên tòa sơ thẩm của Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 3; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tiền vốn là 950.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/06/2021 là 134.881.000đ (trong đó lãi trong hạn là 61.049.238 đồng và lãi quá hạn là 73.831.582đồng). Ông M, bà M còn phải trả lãi trên số nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 17/06/2021 cho đến ông Mười, bà Mến trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Phan Văn M và bà Lê Thị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của ông Phan Văn M và bà Lê Thị M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 10/03/2019 và ngày 29/11/2019 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng). Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M phải nộp 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Phan Văn M và bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ trong vụ án do nguyên đơn nộp:

Giấy ủy quyền; Bảng kê tính lãi; Hồ sơ vay vốn; Giấy tờ pháp lý của Ngân hàng ; Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Hồ sơ pháp lý bên vay; hồ sơ pháp lý tài sản bảo đảm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Ông Phan Văn M và bà Lê Thị M có nhu cầu vay vốn, mục đích để bổ sung vốn trồng cam nên ông M, bà M đã nộp thủ tục để yêu cầu vay vốn từ Ngân hàng thương mại cổ phần T. Sau khi xem xét thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông M, bà M vay từ 27/02/2020 đến ngày 03/06/2021 tổng số tiền vốn là 950.000.000đồng.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông M, bà M và Ngân hàng thương mại cổ phần T có thỏa thuận: thời hạn vay là đến ngày 03/6/2021 phải hoàn trả lại vốn và lãi, lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn .

Để bảo đảm cho các khoản vay thì ông M, bà M có ký kết Hợp đồng thuê chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại các thửa:

- + Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.660,9m² đất ở và trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

- + Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.021,3m² đất trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

- + Thửa đất số 205, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.544,8m² đất lúa do ông Phan Văn M và bà Lê Thị M đứng tên quyền sử dụng đất.

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Sau khi nhận tiền vay đến khi hết hạn trả nợ vay thì ông M, bà M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của là trả vốn và lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng nên ông M, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hạn mức và các Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ông M, bà M thừa nhận còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 950.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18/09/2020 là 27.000.598đ. Nay ông M, bà M đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay vốn 950.000.000đồng và số tiền lãi tính đến ngày 18/09/2021 là 27.000.598đ và tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông Phan Văn M và bà Lê Thị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông M, bà M đồng ý để Ngân hàng Thương mại cổ phần T yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thuế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thửa 205, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.544,8m² giữa ông Dương Đức T và ông Phan Văn M, bà Lê Thị M thì do ông T và ông M, bà M tự thỏa thuận giải quyết. Ngân hàng Thương mại cổ phần T và ông Dương Đức Tg không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền vốn là 950.000.000đồng (chín trăm năm mươi triệu

đồng), tiền lãi tính đến ngày 16/06/2021 là 134.881.000đ (một trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi một ngàn đồng). Đồng thời, ông M và bà M còn phải trả lãi trên số nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 17/06/2021 cho đến khi ông M, bà M trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Phan Văn M và bà Lê Thị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 01/03/2019 và ngày 29/11/2019 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gồm:

+ Phần đất thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.660,9m² đất ở và trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Phần đất thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.021,3m² đất trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Phần đất thửa đất số 205, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.544,8m² đất lúa do ông Phan Văn M và bà Lê Thị M đứng tên quyền sử dụng đất.

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp H, xã G, huyện V, tỉnh L .

[7] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng). Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M phải nộp 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước.

[8] Án phí sơ thẩm: Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M phải nộp 44.546.000đồng (bốn mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền vốn là 950.000.000đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 16/06/2021 là 134.881.000đ (một trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi một ngàn đồng). Đồng thời, ông M và bà M còn phải trả lãi trên số

nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 17/06/2021 cho đến khi ông M, bà M trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Phan Văn M và bà Lê Thị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 01/03/2019 và ngày 29/11/2019 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gồm:

+ Phần đất thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.660,9m² đất ở và trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Phần đất thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.021,3m² đất trồng cây lâu năm do ông Phan Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Phần đất thửa đất số 205, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.544,8m² đất lúa do ông Phan Văn M và bà Lê Thị M đứng tên quyền sử dụng đất.

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L .

2. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng). Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M phải nộp 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước.

3. Án phí sơ thẩm:

Buộc ông Phan Văn M và bà Lê Thị M phải nộp 44.546.000đồng (bốn mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.655.000đ (hai mươi triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008622 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Mỡn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Kim Mẫn